

XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO “LUẬT VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO” TẠI CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO LUẬT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Văn Quang¹, Đàm Ngọc Sơn²
Email: nguyenvanquang@hlu.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1037

Tóm tắt: Sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ (KHCN) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) đang tạo ra những thay đổi sâu sắc đối với mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động pháp lý. Bối cảnh này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đào tạo đội ngũ cử nhân luật có kiến thức liên ngành, có khả năng xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh từ dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), an ninh mạng, công nghệ tài chính, tài sản số và các mô hình ĐMST. Trên cơ sở yêu cầu của Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2024 về đột phá KHCN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia, bài viết phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành chuyên ngành “Luật và Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo” (Luật và KHCN, ĐMST), khảo sát thực trạng đào tạo tại một số cơ sở đào tạo luật tiêu biểu ở Việt Nam, tham chiếu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất khung cấu trúc chương trình đào tạo phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc xây dựng chuyên ngành này là cần thiết và khả thi, nhưng đòi hỏi sự chuẩn bị đồng bộ về chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và hợp tác liên ngành nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện nay.

Từ khóa: đào tạo luật, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, đào tạo liên ngành

I. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của KHCN, đặc biệt là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, blockchain và các mô hình kinh tế số, đang đặt ra những thách thức pháp lý mới và yêu cầu năng lực liên ngành đối

với đội ngũ chuyên gia pháp lý. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia đã xác định mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội

² Công ty Cổ phần Thương mại Kinh doanh Toàn cầu INCCO

gia có nền kinh tế số phát triển vào năm 2045, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế pháp luật và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng quá trình chuyển đổi số. Đối với lĩnh vực pháp luật, sự hội tụ giữa pháp luật và công nghệ đặt ra nhu cầu cấp thiết phải đổi mới chương trình đào tạo, nhằm trang bị cho sinh viên luật khả năng phân tích và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh từ công nghệ mới như bảo vệ dữ liệu, an ninh mạng, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính hay các mô hình khởi nghiệp ĐMST. Trong khi đó, các chương trình cử nhân luật hiện nay mới chỉ tích hợp rải rác một số học phần liên quan đến công nghệ, chưa hình thành một chuyên ngành đào tạo mang tính hệ thống về luật, KHCN và ĐMST.

Từ yêu cầu thực tiễn và chính sách nêu trên, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu phân tích tài liệu, so sánh chương trình đào tạo và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế để khảo sát mức độ tích hợp KHCN, ĐMST trong đào tạo luật tại một số cơ sở tiêu biểu ở Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu bao gồm chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội (HLU), Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (HCMULAW), và Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (UEL) và một số trường thuộc khối kinh tế - quản trị, cùng với tài liệu giảng dạy học phần “Pháp luật về công nghệ tài chính” (Fintech Law) và các mô hình “Luật và công nghệ” (Law & Technology) của Mỹ, châu Âu và Singapore.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ thực trạng và những khoảng trống trong đào tạo luật hiện nay, phân tích kinh nghiệm quốc tế và đề xuất khung chương trình chuyên ngành “Luật và KHCN,

ĐMST” trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật, góp phần định hướng đổi mới đào tạo luật phù hợp yêu cầu của nền kinh tế số và tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. Một số lý thuyết nền tảng làm cơ sở cho nghiên cứu

Bài viết được triển khai trên cơ sở kết hợp một số lý thuyết giáo dục và tiếp cận liên ngành phù hợp với mục tiêu đào tạo luật gắn với khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trước hết, lý thuyết nhận thức (cognitivism learning theory) nhấn mạnh vai trò của cấu trúc tri thức, quá trình xử lý thông tin và năng lực tư duy của người học (Anderson, 1980). Lý thuyết này cho thấy việc đào tạo sinh viên luật trong bối cảnh công nghệ số không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức pháp lý, mà cần hình thành khả năng phân tích, liên kết và vận dụng tri thức liên ngành để giải quyết các vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh từ công nghệ mới.

Bên cạnh đó, các lý thuyết giáo dục hiện đại như học tập dựa trên vấn đề (problem-based learning) và học tập dựa trên dự án (project-based learning) được vận dụng để lý giải sự cần thiết của việc đưa các học phần thực hành, mô phỏng và legaltech lab vào chương trình đào tạo luật (Barrows, 1986). Các lý thuyết này nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm, tương tác và giải quyết tình huống thực tiễn trong việc hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học.

Ngoài ra, bài viết tiếp cận theo hướng đào tạo liên ngành (interdisciplinary education) nhằm phân tích mối quan hệ giữa pháp luật, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh kinh tế số

(Repko & cộng sự, 2019). Cách tiếp cận này cho phép xem xét pháp luật không tách rời công nghệ và mô hình kinh doanh mới, qua đó làm cơ sở lý luận cho việc đề xuất xây dựng chuyên ngành đào tạo “Luật và KHCN, ĐMST” trong các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam.

2.2. Khái niệm xây dựng chuyên ngành đào tạo “Luật và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo”

Chuyên ngành “Luật và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo” được hiểu là một định hướng đào tạo liên ngành trong chương trình cử nhân luật, kết hợp giữa kiến thức pháp lý nền tảng và các tri thức cốt lõi về khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Chuyên ngành này hướng tới việc trang bị cho người học năng lực nhận diện và xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh từ sự phát triển nhanh của công nghệ như dữ liệu cá nhân, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, chuyển giao công nghệ, tài sản số hay kinh tế nền tảng (Repko & cộng sự, 2019). Đây là những vấn đề đòi hỏi cách tiếp cận mới về pháp luật và yêu cầu năng lực liên ngành cao hơn so với đào tạo luật truyền thống.

Ở góc độ khoa học pháp lý, chuyên ngành này mang đặc trưng của mô hình đào tạo liên ngành, tức là các khái niệm pháp luật được tiếp cận trong mối quan hệ với công nghệ, mô hình kinh doanh mới và hoạt động đổi mới sáng tạo. Các nội dung như pháp luật sở hữu trí tuệ, pháp luật dữ liệu, pháp luật AI, pháp luật công nghệ tài chính (Fintech Law) hay pháp luật về chuyển giao công nghệ đều là bộ phận cấu thành cốt lõi của chuyên ngành. Việc xây dựng chuyên ngành này nhằm bù đắp khoảng trống trong đào tạo luật hiện nay, trong đó các vấn đề công nghệ mới chỉ xuất hiện rải rác dưới dạng học phần

riêng lẻ mà chưa trở thành một hệ thống thống nhất (Nguyễn & Đỗ, 2025).

2.3. Xây dựng chuyên ngành này trong các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay

Xây dựng chuyên ngành “Luật và KHCN, ĐMST” trong các cơ sở đào tạo luật được hiểu là quá trình thiết kế, tổ chức và hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng tích hợp kiến thức luật - công nghệ - đổi mới sáng tạo một cách hệ thống. Quá trình này bao gồm: Xác định chuẩn đầu ra phù hợp bối cảnh kinh tế số; thiết kế nhóm học phần nền tảng và học phần chuyên sâu về công nghệ; xây dựng phương pháp giảng dạy hiện đại (nghiên cứu trường hợp - case study, dạy học dựa trên dự án- project-based learning, song giảng - co-teaching); và tổ chức thực hành pháp lý trong môi trường công nghệ (Barrows, 1986). Đây không chỉ là việc bổ sung một số học phần đơn lẻ, mà là định hình một cấu trúc chuyên ngành rõ ràng, có hệ thống kiến thức chặt chẽ và có cơ chế hỗ trợ người học phát triển năng lực liên ngành (Repko & cộng sự, 2019).

Trong bối cảnh Việt Nam đang triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xây dựng chuyên ngành này ở các cơ sở đào tạo luật trở thành yêu cầu cấp thiết. Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu phát triển nền kinh tế số, hoàn thiện thể chế cho các lĩnh vực công nghệ mới và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số (Bộ Chính trị, 2024). Điều này tạo cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để các trường luật xây dựng các chuyên ngành đào tạo mới, gắn kết giữa pháp luật và công nghệ và cho thấy việc mở rộng nội dung đào tạo luật theo hướng gắn với công nghệ và đổi

mới sáng tạo không chỉ đáp ứng nhu cầu xã hội, mà còn phù hợp với định hướng phát triển của Nhà nước. Về phương diện pháp luật, đối với lĩnh vực khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo, pháp luật Việt Nam đã và đang có những bước phát triển đáng khích lệ, theo xu hướng ngày càng hoàn thiện. Đây là lĩnh vực pháp luật có nhiều nét đặc thù và để hiểu cặn kẽ, xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả trên thực tế đòi hỏi đội ngũ nhân lực xây dựng và thực thi pháp luật phải có kiến thức liên ngành đủ sâu rộng cần thiết, bảo đảm cho chính sách, pháp luật trong lĩnh vực này được thực thi hiệu quả, tạo đà thúc đẩy cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phát triển. Về thực tiễn đào tạo luật, điều dễ nhận thấy là trong chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay, chỉ có mới có rải rác các học phần liên quan đến công nghệ (sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử, chuyển đổi số) được giảng dạy, chưa hình thành một chuyên ngành hoàn chỉnh. Do đó, việc xây dựng chuyên ngành này cần được xem là bước tiến quan trọng nhằm nâng cao năng lực đào tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và sự phát triển của nền kinh tế số.

III. Phương pháp nghiên cứu

Các tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính với hai công cụ cơ bản là thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu. Theo đó, dữ liệu thứ cấp được thu thập bao gồm chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo luật điển hình của Việt Nam như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cũng như của một số cơ sở đào tạo luật của Hoa Kỳ, Châu Âu và Singapore.

IV. Kết quả thảo luận

Việc thảo luận và phân tích thực trạng chương trình đào tạo trong bài viết được đặt trong mối liên hệ với triết lý đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Luật, qua đó làm rõ vị trí và vai trò của các học phần liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cấu trúc tổng thể của CTĐT. Trên cơ sở đó, bài viết không chỉ mô tả sự hiện diện của các học phần liên quan đến công nghệ, mà còn đánh giá mức độ tích hợp và vai trò của các học phần này trong việc hình thành năng lực pháp lý số cho sinh viên luật.

4.1. Thực trạng chương trình đào tạo liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ở một số cơ sở đào tạo luật tiêu biểu của Việt Nam

Trong vài năm gần đây, trước tác động sâu rộng của chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, nhiều cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam đã bước đầu tích hợp các nội dung liên quan đến khoa học công nghệ (KHCN), kinh tế số và công nghệ tài chính vào chương trình đào tạo. Tuy nhiên, mức độ triển khai còn phân tán, thiếu tính hệ thống và chưa hình thành được một chuyên ngành đào tạo hoàn chỉnh về “Luật, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

4.1.1. Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội là một trong số ít cơ sở đã đưa các nội dung luật - công nghệ vào chương trình một cách rõ nét, đặc biệt thông qua học phần “Fintech Law” giảng dạy trong chương trình cử nhân chất lượng cao ngành Luật Kinh tế từ năm học 2023-2024.

Học phần “Fintech Law” của HLU có cấu trúc tương đối toàn diện, bao gồm:

- Tổng quan về Fintech và sự phát triển Fintech 1.0 - 4.0 (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024);

- Các phân nhánh công nghệ tài chính (thanh toán số, ví điện tử, P2P lending, robo-advice, crypto-assets, crowdfunding, insurtech) (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024);

- Khung pháp lý Fintech tại Việt Nam (quy định về trung gian thanh toán, Mobile Money, dự thảo sandbox Fintech, bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống rửa tiền, quản lý tài sản số) (Nguyen, 2020) ;

- Pháp luật Fintech so sánh ở một số quốc gia (Mỹ, EU, Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản), tập trung vào các cơ chế như open banking/PSD2, sandbox, data privacy/GDPR, và quản lý crypto (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024).

Nội dung học phần cho thấy HLU đã tiếp cận tương đối sớm các vấn đề pháp lý phát sinh từ công nghệ mới, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính số, bởi đây là lĩnh vực đổi mới sáng tạo diễn ra mạnh mẽ. Tuy nhiên, việc giảng dạy hiện nay vẫn diễn ra ở cấp độ môn học đơn lẻ, chưa kết nối thành một khối kiến thức liên ngành hoàn chỉnh để hình thành chuyên ngành “Luật, KHCN và ĐMST”. Đây là bước khởi đầu tích cực, song cần được mở rộng sang các mảng công nghệ khác như dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, blockchain, an ninh mạng để hình thành cấu trúc chuyên ngành đầy đủ hơn.

4.1.2. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (HCMULAW)

HCMULAW đã tích hợp một số học phần liên quan đến công nghệ và kinh tế số vào chương trình, như: pháp luật về thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật công nghệ thông tin, pháp luật người tiêu dùng trong môi trường số.

Trường cũng tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo về luật dữ liệu, blockchain, trí tuệ nhân tạo và hợp tác với các tổ chức công nghệ trong việc nâng cao kỹ năng số cho sinh viên. Tuy nhiên, các nội dung này hiện vẫn rải rác trong chương trình, chủ yếu dưới dạng môn tự chọn, chưa hình thành một định hướng đào tạo công nghệ - đổi mới sáng tạo một cách rõ ràng.

4.1.3. Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (UEL)

UEL là cơ sở đào tạo tiên phong khi công bố kế hoạch tuyển sinh ngành/ chuyên ngành cử nhân “Luật và Công nghệ” từ năm 2026, thể hiện định hướng rõ ràng trong việc phát triển mô hình đào tạo luật gắn với công nghệ số. Hiện nay, chương trình cử nhân của UEL đã tích hợp nhiều nội dung liên quan đến kinh tế số, công nghệ tài chính, pháp luật dữ liệu, pháp luật ngân hàng số và khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo, đồng thời triển khai các dự án nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo luật (Trường Đại học Kinh tế - Luật, 2025). Song song với đó, từ năm 2025 UEL triển khai chương trình Thạc sĩ Công nghệ tài chính (Fintech), đây là một ngành đào tạo chuyên sâu theo hướng liên ngành tài chính - công nghệ. Việc đồng thời phát triển cả cử nhân “Luật và Công nghệ” và thạc sĩ Fintech cho thấy UEL đang xây dựng hệ sinh thái đào tạo liên ngành bài bản, qua đó phản ánh xu hướng chuyển dịch mạnh của giáo dục pháp luật sang môi trường số và tạo nền tảng vững chắc cho việc hình thành các hướng đào tạo Luật - Công nghệ chuyên sâu trong tương lai (Cao Hoàng, 2025).

4.1.4. Các cơ sở đào tạo khác

Một số cơ sở đào tạo luật thuộc khối kinh tế - quản trị như Trường Đại học Kinh

tế TP. Hồ Chí Minh (UEH) và Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh (UEF) đã bước đầu đưa vào chương trình những môn học như “Ứng dụng CNTT trong ngành luật”, “Pháp luật và nền kinh tế số”, “Nhập môn chuyển đổi số”. Các học phần này tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với tư duy số và những vấn đề pháp lý trong môi trường công nghệ. Tuy vậy, mức độ tích hợp còn hạn chế và chưa tạo thành một lộ trình đào tạo thống nhất (Nguyễn & Đỗ, 2025).

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam đã bước đầu nhận diện xu hướng gắn kết pháp luật với khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, việc tích hợp nội dung này mới dừng lại ở một số học phần rời rạc, thiếu tính liên thông và chưa hình thành được một chuyên ngành hoàn chỉnh. Ngoại trừ UEL đang chuẩn bị triển khai hướng đào tạo “Luật và Công nghệ”, phần lớn các trường vẫn thiếu các mảng kiến thức cốt lõi như pháp luật về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, blockchain hay các hoạt động thực hành pháp lý số. Thực trạng này cho thấy đào tạo luật trong nước mới ở giai đoạn khởi đầu và đặt ra nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một chuyên ngành liên ngành có cấu trúc rõ ràng, nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực pháp lý đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

4.2. Kinh nghiệm quốc tế

Kinh nghiệm đào tạo luật gắn với KHCN và ĐMST ở nhiều quốc gia cho thấy xu hướng chung là hình thành các chương trình liên ngành (“Law và Technology”, “Law và Innovation”), kết hợp các học phần về công nghệ số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, tài sản số và công nghệ tài chính. Những mô hình này vừa cung cấp kiến thức pháp lý nền tảng, vừa trang bị

kỹ năng công nghệ và tư duy đổi mới cho sinh viên luật. Một số kinh nghiệm tiêu biểu có thể tham khảo như sau:

4.2.1. Hoa Kỳ

Nhiều trường luật hàng đầu như Harvard, Stanford hay Denver đã tích hợp sâu công nghệ vào chương trình đào tạo thông qua các học phần về trí tuệ nhân tạo và pháp luật, dữ liệu, blockchain, robo-advice, đồng thời sử dụng VR/AR trong mô phỏng tranh tụng, phiên tòa giả định và giảng dạy kỹ năng pháp lý. Các sáng kiến như Stanford Artificial Intelligence and Law Society (SAILS) góp phần thúc đẩy mô hình đào tạo liên ngành và tăng cường hợp tác giữa giảng viên luật và kỹ sư công nghệ (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024). Mô hình Mỹ cho thấy việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy có thể cải thiện mạnh mẽ tư duy thực hành và khả năng thích ứng công nghệ của sinh viên luật.

4.2.2. Châu Âu

Nhiều trường luật tại Anh, Hà Lan, Đức đã xây dựng các chương trình thạc sĩ như *Innovation, Technology and the Law* (Luật về đổi mới sáng tạo và công nghệ), *LLM in Information Technology Law* (Thạc sĩ Luật về công nghệ thông tin), hoặc các học phần bắt buộc về dữ liệu, fintech và quyền riêng tư. Liên minh châu Âu (EU) đồng thời ban hành khung pháp lý tương đối đầy đủ đối với công nghệ số như PSD2 (open banking), GDPR (bảo vệ dữ liệu) và các quy tắc về fintech, giúp tạo môi trường chuẩn hóa để đào tạo nguồn nhân lực pháp lý chất lượng cao (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2024). Điểm nổi bật của châu Âu là sự kết nối chặt chẽ giữa đào tạo - nghiên cứu - khung pháp luật.

4.2.3. Singapore

Singapore là quốc gia tiên phong tại châu Á trong việc chính thức hóa đào tạo

“Luật và Công nghệ”. Đại học Quốc gia Singapore (NUS) đã đưa Luật Công nghệ và Sở hữu trí tuệ thành chuyên ngành/hướng chuyên sâu với nhiều học phần liên ngành như: Luật về trí tuệ nhân tạo và khoa học thông tin (AI & Information Science Law), Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân (Data Privacy Law), Luật về công nghệ tài chính và nền tảng số (Fintech and Platform Law), Luật công nghệ thông tin (IT Law). Song song, Singapore áp dụng mô hình sandbox, pháp luật thân thiện với đổi mới sáng tạo (ví dụ: Luật về dịch vụ thanh toán - Payment Services Act), tạo điều kiện để kết nối doanh nghiệp công nghệ vào giảng dạy thực tiễn (Tilleke & Gibbins, 2024).

Như vậy, kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng việc phát triển các chương trình luật gắn với KHCN và ĐMST đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành, có các học phần chuyên sâu về công nghệ mới, gắn mạnh với thực hành thông qua phòng thí nghiệm công nghệ pháp lý (LegalTech lab) và mô phỏng số, đồng thời thiết lập cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường - doanh nghiệp - cơ quan quản lý trong một khung pháp lý thuận lợi. Những kinh nghiệm này khẳng định chuyên ngành “Luật, KHCN và ĐMST” hoàn toàn khả thi tại Việt Nam nếu được triển khai với lộ trình phù hợp và sự phối hợp đồng bộ của các chủ thể liên quan.

4.3. Đề xuất cấu trúc khung chương trình Luật và KHCN, ĐMST

Theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016, chương trình đào tạo trình độ đại học phải bảo đảm chuẩn đầu ra ở bậc 6, bao gồm kiến thức chuyên môn nền tảng, kỹ năng nghề nghiệp và mức độ tự chủ, trách nhiệm của người học. Đồng thời, Chuẩn chương

trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2025 xác định rõ yêu cầu về kiến thức pháp luật cốt lõi, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất nghề nghiệp của cử nhân luật. Trên cơ sở đó, việc xây dựng chuyên ngành “Luật và KHCN, ĐMST” cần được đặt trong khuôn khổ của ngành Luật, như một hướng đào tạo chuyên sâu, nhằm cụ thể hóa và mở rộng các năng lực mà Chuẩn chương trình đào tạo Pháp luật đã xác lập, phù hợp với bối cảnh kinh tế số.

Xuất phát từ các yêu cầu trên, *mục tiêu đào tạo* của chuyên ngành không nhằm thay thế mục tiêu đào tạo luật truyền thống, mà hướng tới bổ sung các năng lực pháp lý cần thiết trong môi trường công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Theo đó, bên cạnh việc đáp ứng đầy đủ các chuẩn đầu ra chung của cử nhân luật theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT, người học cần được trang bị thêm năng lực nhận diện, phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ tài chính, tài sản số và các mô hình đổi mới sáng tạo. Cách tiếp cận này bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình vừa phù hợp bậc 6 của Khung trình độ quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực pháp lý trong nền kinh tế số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Về cấu trúc chương trình, chuyên ngành cần được thiết kế theo nguyên tắc tuân thủ Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật, trong đó khối kiến thức pháp luật nền tảng giữ vai trò trụ cột, bảo đảm hình thành năng lực nghề nghiệp luật sư, cán bộ pháp lý theo chuẩn chung. Trên nền tảng đó, chương trình bổ sung nhóm học phần chuyên sâu về luật và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm các nội dung như: pháp luật sở hữu trí tuệ và

chuyên giao công nghệ; pháp luật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân; pháp luật an ninh mạng; pháp luật về trí tuệ nhân tạo và đạo đức AI; pháp luật về nền tảng số; pháp luật về công nghệ chuỗi khối (blockchain) và tài sản số; pháp luật về công nghệ tài chính; pháp luật về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Việc tổ chức các học phần này không nhằm làm “loãng” chương trình luật, mà nhằm làm sâu hơn năng lực pháp lý trong những lĩnh vực mà Chuẩn CTĐT Pháp luật hiện hành chưa cụ thể hóa đầy đủ.

Về phương pháp đào tạo và đánh giá, để đáp ứng yêu cầu phát triển kỹ năng và mức độ tự chủ của người học theo Khung trình độ quốc gia, chương trình cần tăng cường các phương pháp giảng dạy hiện đại như học tập dựa trên dự án, nghiên cứu tình huống, mô phỏng và đồng giảng giữa giảng viên luật và chuyên gia công nghệ. Tương ứng, việc đánh giá kết quả học tập không chỉ dựa trên thi viết mà cần đa dạng hóa thông qua bài tập tình huống, sản phẩm dự án, thuyết trình và thực hành. Cách tiếp cận này giúp đánh giá đúng năng lực liên ngành và khả năng ứng dụng của người học, phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra ở trình độ đại học.

Về mô hình tổ chức và triển khai, việc xây dựng một chuyên ngành mới cần được tiến hành theo lộ trình phù hợp với năng lực và điều kiện của từng cơ sở đào tạo, đúng tinh thần tự chủ đại học. Giai đoạn đầu, các trường có thể thí điểm ở bậc thạc sĩ hoặc mở một số chương trình cử nhân định hướng luật - công nghệ để thăm dò nhu cầu và hoàn thiện thiết kế đào tạo. Song song đó, mỗi trường nên xây dựng một đơn vị chuyên trách (như bộ môn hoặc trung tâm luật - công nghệ) nhằm tập hợp đội ngũ giảng viên và điều phối việc phát triển chương trình, đồng thời mời chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ và đổi mới

sáng tạo giảng dạy các chuyên đề thực tiễn. Cơ sở vật chất cũng phải được đầu tư tương xứng, bao gồm phòng thí nghiệm công nghệ pháp lý, hệ thống dữ liệu và thư viện số, cùng các phần mềm mô phỏng phục vụ giảng dạy. Việc phát triển các hạ tầng này nên dựa trên mô hình hợp tác ba bên giữa nhà trường, doanh nghiệp công nghệ và cơ quan quản lý để bảo đảm nguồn lực bền vững. Trong quá trình tổ chức đào tạo, lớp học cần được duy trì ở quy mô vừa phải, khuyến khích thảo luận và trải nghiệm, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế thông qua trao đổi học liệu, mời giảng viên nước ngoài hoặc tạo cơ hội cho sinh viên tham gia các khóa học ngắn hạn tại những cơ sở đào tạo luật - công nghệ tiên tiến. Bên cạnh đó, các trường phải chú trọng phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng theo hướng liên ngành: bồi dưỡng giảng viên về công nghệ, tăng cường giảng viên thỉnh giảng là chuyên gia kỹ thuật, xây dựng phòng thí nghiệm pháp lý - công nghệ và thiết lập quan hệ hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, quỹ đổi mới sáng tạo hoặc vườn ươm khởi nghiệp nhằm hỗ trợ công tác đào tạo, thực tập và nghiên cứu.

4.4. Triển vọng và thách thức

4.4.1. Triển vọng

Việc xây dựng chuyên ngành “Luật và KHCN, ĐMST” mở ra nhiều triển vọng cho các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam. Trước hết, nhu cầu nhân lực pháp lý am hiểu công nghệ ngày càng tăng mạnh trong bối cảnh kinh tế số, đặc biệt tại các doanh nghiệp công nghệ, khởi nghiệp ĐMST và các cơ quan quản lý lĩnh vực dữ liệu, an ninh mạng, fintech hay AI. Điều này tạo cơ hội để các trường luật nâng cao vị thế, mở rộng hợp tác quốc tế và phát triển mô hình đào tạo liên ngành theo xu hướng toàn cầu. Đồng thời, Nghị quyết 57-NQ/TW đặt ra yêu cầu đột phá về KHCN, ĐMST

và hoàn thiện thể chế là động lực chính trị quan trọng giúp các trường mạnh dạn thử nghiệm, đổi mới chương trình, tiếp cận các dự án hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

4.4.2. Thách thức

Quá trình triển khai hiện nay phải đối mặt với không ít thách thức. Hạn chế lớn nhất hiện nay là đội ngũ giảng viên liên ngành còn thiếu, trong khi các lĩnh vực như AI, dữ liệu, công nghệ chuỗi khối (blockchain) hay công nghệ tài chính (fintech) đòi hỏi kiến thức kỹ thuật sâu và khả năng giảng dạy chuyên biệt. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo hiện đại như phòng thí nghiệm công nghệ pháp lý, hệ thống mô phỏng, kho dữ liệu số chưa đồng bộ giữa các trường. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển nhanh của công nghệ khiến chương trình dễ lạc hậu nếu không cập nhật liên tục. Một thách thức khác là rào cản tư duy trong thiết kế chương trình và những vấn đề pháp lý - đạo đức mới phát sinh liên quan đến bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư hay trách nhiệm của hệ thống tự động, vốn đòi hỏi cách tiếp cận liên ngành chặt chẽ.

Nhìn chung, triển vọng phát triển chuyên ngành này là rõ ràng, song đòi hỏi sự đầu tư bài bản về nguồn lực, đội ngũ giảng viên, hạ tầng số và sự phối hợp giữa các trường đại học, doanh nghiệp công nghệ và cơ quan quản lý để bảo đảm tính khả thi và bền vững.

V. Kết luận

Sự phát triển nhanh của KHCN và ĐMST đang làm thay đổi sâu sắc môi trường pháp lý và đặt ra yêu cầu mới đối với đào tạo luật tại Việt Nam. Trong bối cảnh Nghị quyết 57-NQ/TW nhấn mạnh mục tiêu phát triển kinh tế số và hoàn thiện thể chế, việc xây dựng chuyên ngành “Luật và KHCN, ĐMST” là bước đi tất yếu nhằm hình thành đội ngũ chuyên gia pháp lý có khả năng thích ứng với công

nghệ và hỗ trợ hiệu quả cho hệ sinh thái ĐMST quốc gia. Để triển khai thành công chuyên ngành này, có hàng loạt các vấn đề đặt ra đối với các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam. Nghiên cứu này của chúng tôi chỉ ra rằng nếu được triển khai với định hướng rõ ràng, nguồn lực phù hợp và sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, chuyên ngành “Luật và KHCN, ĐMST” sẽ trở thành một hướng đào tạo chiến lược, góp phần hình thành thể hệ cử nhân luật có năng lực số, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và tiến trình chuyển đổi số quốc gia./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Anderson, J. R. (1980). *Cognitive Psychology and Its Implications*. San Francisco: W. H. Freeman.
- [2]. Barrows, H. S. (1986). A Taxonomy of Problem-based Learning Methods. *Medical Education*, 20(6), 481-486.
- [3]. Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2045*.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 13/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học*.
- [5]. Cao Hoàng. (2025). *Trường Đại học Kinh tế - Luật tiên phong đào tạo Thạc sĩ Fintech*. <https://Vietnamnet.vn/truong-dai-hoc-kinh-te-luat-tien-phong-dao-tao-thac-si-fintech-2417522.html>, truy cập ngày 12/11/2025.
- [6]. Nguyen, H. Y. (2020). Fintech in Vietnam and Its Regulatory Approach, in M. Fenwick et al. (eds.), *Regulating FinTech in Asia, Perspectives in Law, Business and Innovation*, Springer Nature Singapore Pte Ltd. 2020.

- [7]. Nguyễn, T. T. H., & Đỗ, T. D. L. (2025), Đào tạo cử nhân luật trong bối cảnh phát triển công nghệ số. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/dao-tao-cu-nhan-luat-trong-boi-can-phat-trien-cong-nghe-so-a164255.html>, truy cập ngày 10/11/2025.
- [8]. Repko, A. F., Szostak, R., & Buchberger, M. P. (2019). *Introduction to interdisciplinary studies* (3rd ed.). Thousand Oaks, CA: SAGE Publications.
- [9]. Tilleke & Gibbins. (2024). *Fintech Law in Southeast Asia*, <https://www.tilleke.com/insights/fintech-law-in-southeast-asia/>, truy cập ngày 15/11/2025
- [10]. Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016: Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam*.
- [11]. Trường Đại học Kinh tế - Luật. (2025). *Đào tạo luật trước thách thức công nghệ: Nền tảng cho đổi mới sáng tạo có trách nhiệm*, <https://tuyensinh.uel.edu.vn/dao-tao-luat-truoc-thach-thuc-cong-nghe-nen-tang-cho-doi-moi-sang-tao-co-trach-nhiem/>, truy cập ngày 15/11/2025.
- [12]. Trường Đại học Luật Hà Nội. (2024). *Đề cương môn học Fintech Law*.

DEVELOPING THE ACADEMIC MAJOR “LAW, SCIENCE AND TECHNOLOGY, AND INNOVATION” IN VIETNAMESE LAW SCHOOLS: PROSPECTS AND CHALLENGES

Nguyen Van Quang¹, Dam Ngoc Son²

Abstract: *The rapid development of science and technology and innovation is bringing about profound changes across all spheres of socio-economic life, including legal practice. This context creates an urgent need to train law graduates with interdisciplinary knowledge and the capacity to address legal issues arising from data, artificial intelligence (AI), cybersecurity, financial technology, digital assets, and innovation-driven business models. In response to the requirements set out in the Politburo’s Resolution No. 57-NQ/TW (2024) on breakthroughs in science and technology, innovation, and national digital transformation, this article examines the theoretical and practical foundations for establishing the academic major of Law, Science and Technology, and Innovation. It analyzes the current state of legal education at several representative law schools in Vietnam, draws upon international experience, and proposes an appropriate curriculum framework. The findings indicate that establishing this major is both necessary and feasible; however, its effective implementation requires coordinated preparation across curriculum design, faculty development, infrastructure, and interdisciplinary collaboration to meet the demands of the digital economy and the contemporary innovation ecosystem.*

Keywords: *legal education, science and technology, innovation, digital transformation, digital economy, interdisciplinary training*

¹ Hanoi Law University.

² INCCO Global Business, JCS.